

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
(Đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Điều hành	2-4
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5-6
Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét:	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	7 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11-12
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13– 55

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty Cổ phần đầu tư Apax Holdings (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần đầu tư Apax Holdings được thành lập theo quyết định của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0105824156 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 03 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 14 vào ngày 07 tháng 07 năm 2022.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: 831.506.610.000 đồng (Tám trăm ba mươi một tỷ, năm trăm lẻ sáu triệu, sáu trăm mười nghìn đồng).

Cổ phiếu của công ty có mã giao dịch là IBC và được Niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE). Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp, tương đương 83.150.661 cổ phần.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Thủy	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên	
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên	
Ông Quách Mạnh Hào	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Chính	Thành viên	
Ông Sang Ho Jung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/03/2022

Các thành viên của Ban Điều hành trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Travis Richard Stewart	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Lương	Giám đốc tài chính
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Thanh Thọ	Trưởng ban kiểm soát	
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thành viên	
Bà Trần Thị Mỹ Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/03/2022
Bà Phạm Thị Diệp	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/03/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 của Công ty Cổ phần đầu tư Apax Holdings đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài Chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Địa chỉ: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Cam kết khác

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ Công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành
Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Ngọc Thủy



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số : 554/BCKT-TC

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần đầu tư Apax Holdings

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần đầu tư Apax Holdings được lập ngày 29 tháng 08 năm 2022 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 được trình bày từ trang 07 đến trang 55 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của đơn vị tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày 30/06/2022, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 của Công ty Cổ phần đầu tư Apax Holdings được kiểm toán/soát xét bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 đã được Công ty trình bày lại chỉ tiêu Thuế TNDN phải nộp và Lợi nhuận sau thuế do ghi nhận giảm chi phí thuế TNDN năm 2021 được miễn giảm theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ.

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2022

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Phó Tổng Giám đốc



Lê Phương Anh

Số Giấy CN ĐKHN

Kiểm toán : 0739-2018-133-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.488.601.595.329	2.430.664.848.768
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	303.962.346.785	696.974.721.111
111	1. Tiền		223.962.346.785	536.974.721.111
112	2. Các khoản tương đương tiền		80.000.000.000	160.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	510.000.000.000	300.000.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		100.000.000.000	100.000.000.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		410.000.000.000	200.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		628.939.892.233	1.373.582.454.085
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	125.768.357.302	67.841.877.244
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	155.790.007.098	126.901.116.909
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	133.133.769.710	305.039.669.710
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	214.691.211.745	877.821.890.164
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(443.453.622)	(4.022.099.942)
140	IV. Hàng tồn kho	9	27.612.597.860	41.334.337.479
141	1. Hàng tồn kho		27.612.597.860	41.334.337.479
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		18.086.758.451	18.773.336.093
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	17.875.760.099	18.580.488.511
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		149.311.371	123.947.953
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		61.686.981	68.899.629

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		3.234.642.749.116	2.197.059.252.069
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.395.590.638.900	97.952.138.752
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	1.000.000.000	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.394.590.638.900	97.952.138.752
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	II. Tài sản cố định		783.854.996.873	897.176.620.153
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	377.033.387.457	445.671.479.248
222	- Nguyên giá		764.938.583.648	786.913.585.425
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(387.905.196.191)	(341.242.106.177)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	406.821.609.416	451.505.140.905
228	- Nguyên giá		468.154.957.015	506.731.641.142
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(61.333.347.599)	(55.226.500.237)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	29.581.115.947	17.515.219.330
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		29.581.115.947	17.515.219.330
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	580.935.532.969	592.127.476.594
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		580.821.532.969	592.013.476.594
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		239.100.000	239.100.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(125.100.000)	(125.100.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		444.680.464.427	592.287.797.240
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	162.267.050.263	281.154.374.854
269	2. Lợi thế thương mại		282.413.414.164	311.133.422.386
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.723.244.344.445	4.627.724.100.837

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
300	NỢ PHẢI TRẢ		3.122.649.863.028	3.062.886.382.824
310	I. Nợ ngắn hạn		1.745.251.679.523	1.651.632.486.780
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	122.400.120.176	144.106.554.147
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	126.221.946.305	67.825.091.826
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	189.216.776.174	172.232.341.195
314	4. Phải trả người lao động		58.650.658.237	55.497.195.590
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	299.122.584.045	262.774.239.538
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng x		-	-
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	178.910.930.398	195.583.320.522
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	19	149.830.948.932	133.580.887.810
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	620.897.715.256	620.032.856.152
330	II. Nợ dài hạn		1.377.398.183.505	1.411.253.896.044
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		12.220.188.744	22.115.080.946
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14.	1.361.185.749.959	1.382.275.725.033
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		3.992.244.802	6.863.090.065
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.600.594.481.418	1.564.837.718.013
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.600.594.481.418	1.564.837.718.013
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		831.506.610.000	831.506.610.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		831.506.610.000	831.506.610.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.335.740.000	15.335.740.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		103.919.921.583	81.908.245.270
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		85.121.638.647	2.358.204.908
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		18.798.282.937	79.550.040.362
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		649.832.209.834	636.087.122.743
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.723.244.344.445	4.627.724.100.837

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Phú

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Ngọc Thủy

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Đơn vị tính: VND Kỳ trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	669.266.775.173	988.999.075.624
02	2. Các khoản giảm trừ		-	29.776.803
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		669.266.775.173	988.969.298.821
11	4. Giá vốn hàng bán	23	435.406.562.395	719.655.002.682
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		233.860.212.778	269.314.296.139
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	73.921.396.346	96.452.093.509
22	7. Chi phí tài chính	25	85.431.002.039	67.377.103.045
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		99.814.439.265	48.330.198.033
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết		808.056.375	(130.306.252)
25	9. Chi phí bán hàng	26	92.583.491.129	182.686.836.608
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	74.767.078.588	85.757.133.202
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		55.808.093.743	29.815.010.541
31	12. Thu nhập khác	28	2.935.042.590	1.576.590.804
32	13. Chi phí khác	29	22.832.843.735	10.087.160.014
40	14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		(19.897.801.145)	(8.510.569.210)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		35.910.292.598	21.304.441.331
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	15.865.558.933	13.736.510.528
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	30	(2.870.845.263)	1.472.422.175
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		22.915.578.928	6.095.508.628
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		18.798.282.937	11.060.941.626
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		4.117.295.991	(4.965.432.998)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	226,07	135,57

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Phú

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2022



Nguyễn Ngọc Thủy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Phương pháp gián tiếp

6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	35.910.292.598	21.304.441.331
	2. Điều chỉnh cho các khoản	116.908.543.681	65.750.600.640
02	- Khấu hao tài sản cố định	94.593.147.082	97.112.290.945
03	- Các khoản dự phòng	(3.578.646.320)	875.790.242
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	(276.289.858)
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(73.920.396.346)	(96.796.288.044)
06	- Chi phí lãi vay	99.814.439.265	64.835.097.355
08	3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	152.818.836.279	87.055.041.971
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	(549.916.981.485)	60.531.934.068
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	13.721.739.619	(45.644.836.019)
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	122.779.138.336	27.128.843.352
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	119.592.053.003	72.376.588.951
14	- Tiền lãi vay đã trả	(93.433.253.432)	(52.196.343.401)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(12.246.125.765)	(10.440.509.657)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(246.684.593.445)	138.810.719.265
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(15.427.322.553)	(19.283.238.428)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	2.568.913.806	13.000.000.000
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(210.000.000.000)	(228.213.769.710)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	15.855.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(26.191.249)	(389.869.693.748)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	76.800.000.000	40.800.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	19.981.935.085	65.335.257.923
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(126.102.664.911)	(502.376.443.963)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Tiếp theo)
6 tháng đầu năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VND	
		Kỳ này	Kỳ trước
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	288.037.681.536	1.004.795.821.383
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(308.262.797.506)	(529.196.761.067)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(20.225.115.970)	475.599.060.316
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(393.012.374.326)	112.033.335.618
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	696.974.721.111	203.396.080.603
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	412.198
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	303.962.346.785	315.429.828.419

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2022

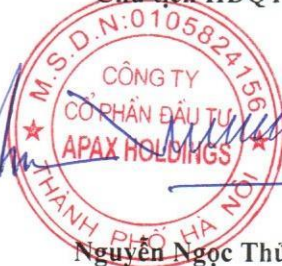
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Thị Hải

Nguyễn Mạnh Phú



Nguyễn Ngọc Thủy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần đầu tư Apax Holdings được thành lập theo quyết định của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0105824156 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 03 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 14 vào ngày 07 tháng 07 năm 2022.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: 831.506.610.000 đồng (Tám trăm ba mươi một tỷ, năm trăm lẻ sáu triệu, sáu trăm mười nghìn đồng).

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp, tương đương 83.150.661 cổ phần.

Số cán bộ công nhân viên: 197 người

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn quản lý, đầu tư.

Ngành nghề kinh doanh của công ty gồm

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Đại lý, môi giới, đấu giá (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: tư vấn du học.

Danh sách Công ty con được hợp nhất

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax	Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Giáo dục Tiếng Anh	66,36%	66,36%
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten	Quận Ba Đình, Hà Nội	Giáo dục mầm non	51,2%	51,2%
Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia	Quận Đống Đa, Hà Nội	Giáo dục tiểu học	99,35%	51%

Danh sách các công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1. Công ty Cổ phần Tập đoàn hạ tầng giáo dục	Số 12 ngách 1, ngõ 111 Nguyễn Xiển, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	35,76%	35,76%
2. Công ty Cổ phần Giáo dục tư duy và Sáng tạo CMS	Tầng 4, 21T2 Hapulico Complex, 81 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam	Giáo dục, đào tạo Toán tư duy	31,59%	31,59%
3. Công ty CP Hạ tầng Trường liên cấp STEAME	Hà Nội	Hoạt động giáo dục mẫu giáo	40%	40%

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư vào công ty con có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con có cổ phiếu niêm yết trên thị trường hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con.

- Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.
- Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

2.5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6. Tài sản cố định hữu hình

2.6.1. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

2.6.2. Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
Nhà cửa vật kiến trúc	03 - 25
Phương tiện vận tải	10
Máy móc, thiết bị	03 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất, Phần mềm máy tính và Bản quyền chương trình đào tạo tiếng Anh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất của Công ty là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 05 năm.

Bản quyền chương trình đào tạo tiếng Anh

Nguyên giá của nhãn hiệu, bản quyền tác giả, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền tác giả, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Chương trình giảng dạy

Dự án xây dựng phát triển các sản phẩm hỗ trợ là toàn bộ chi phí chi ra có liên quan trực tiếp tới dự án bao gồm: Chi phí viết Bộ chương trình giảng dạy,... tại hệ thống trường mầm non trực thuộc Công ty. Chi phí tư vấn và giải mã gen tìm hiểu những khả năng tiềm ẩn, những thiên hướng đặc biệt của trẻ qua đó xây dựng phương pháp giáo dục và nuôi dưỡng phù hợp. Chi phí chuyên gia nước ngoài tư vấn, thẩm định, hỗ trợ chương trình. Dự án được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

2.8. Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Vay và thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

2.12. Trái phiếu phát hành

Công ty đã phát hành trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, nhưng trái phiếu phát hành không xác định được số lượng cổ phiếu tại thời điểm phát hành mà phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn nên được Công ty trình bày là trái phiếu thường. Công ty phát hành trái phiếu cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư

ương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ

2.17. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- *Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;*
- *Chi phí đi vay vốn;*
- *Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;*
- *Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...*

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18. Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức không chịu thuế GTGT đối với doanh thu từ hoạt động giáo dục đào tạo tiếng Anh, đào tạo mầm non; thuế suất 10% đối với doanh thu hoạt động tư vấn, doanh thu bán đồng phục học sinh và vận chuyển học sinh, ...

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận vào báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mỗi quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20. Cơ sở lập báo cáo hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính từ Công ty mẹ và các Công ty con. Các Công ty được xác định là công ty con của Công ty khi có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các Công ty này.

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các chính sách kế toán của các Công ty con có thể được điều chỉnh nhằm đảm bảo chính sách kế toán được áp dụng ở Công ty mẹ và các Công ty con không có sự khác biệt đáng kể.

Tất cả các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư chủ yếu giữa các Công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Giá trị khoản đầu tư của Công ty vào các Công ty liên kết được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ tại Công ty liên kết tương ứng vượt quá phần vốn góp của Công ty mẹ tại các Công ty này đều không được ghi nhận.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt, tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty trừ đi Cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ (i)	100.319.471.820	132.663.842.380
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền gửi tại công ty chứng khoán	118.539.724.452	403.940.748.731
Tiền đang chuyển (ii)	5.103.150.513	370.130.000
Các khoản tương đương tiền (iii)	80.000.000.000	160.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn < 3 tháng</i>	<i>80.000.000.000</i>	<i>160.000.000.000</i>
Cộng	303.962.346.785	696.974.721.111

(i) Là số dư tiền mặt tại văn phòng công ty mẹ, văn phòng các công ty con, 16 trường mầm non của Công ty CP Phát triển giáo dục Igarten và 102 Trung tâm Anh ngữ Apax tại ngày 30/06/2022.

(ii): Tiền đang chuyển là tiền đang chuyển giữa các ngân hàng và tiền học viên thanh toán qua thẻ ngân hàng nhưng tiền chưa chuyển về tài khoản của Công ty.

(iii) Tại ngày 30/06/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng, được gửi tại các ngân hàng thương mại bằng VND.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán kinh doanh	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Cổ phiếu (*)	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	410.000.000.000	-	200.000.000.000	-
Tiền gửi tại Công ty CP Anh ngữ Apax (**)	210.000.000.000	-	120.000.000.000	-
<i>Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam</i>	<i>60.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương VN</i>	<i>150.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>120.000.000.000</i>	<i>-</i>
Tiền gửi tại Công ty CP Phát triển Giáo dục Igarten (***)	200.000.000.000	-	80.000.000.000	-
<i>Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam</i>	<i>80.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương VN</i>	<i>120.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>80.000.000.000</i>	<i>-</i>
Cộng	510.000.000.000	-	300.000.000.000	-

(*) Là khoản đầu tư cổ phiếu của Công ty CP tập đoàn Đầu tư Ecapital thông qua Công ty CP Quản lý quỹ Đầu tư FPT theo Hợp đồng ủy thác đầu tư số 159/FPTC-2021/UTĐT ngày 15/12/2021 và Phụ lục 1 ngày 20/12/2021, theo đó Công ty ủy thác cho Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư FPT sử dụng toàn bộ vốn ủy thác với giá trị 100 tỷ đồng để đầu tư mua, đứng tên và quản lý toàn bộ số vốn cổ phần được mua của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Ecapital. Thời gian ủy thác đối với khoản vốn ủy thác này là 1 năm kể từ ngày chuyển khoản tiền đầu tiên. Số lượng CP: 10.000.000 cổ phiếu, Mệnh giá: 10.000 đ/CP, Loại CP: CP phổ thông.

(**) Tiền gửi có kỳ hạn là các hợp đồng tiền gửi giữa Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax với các tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam có kỳ hạn từ 3 tháng đến 4 tháng với lãi suất 3,5%/năm đến 4,0%/năm.

(***) Tiền gửi có kỳ hạn là các hợp đồng tiền gửi giữa Công ty CP phát triển giáo dục IGARTEN với các tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam có kỳ hạn từ 3 tháng đến 4 tháng với lãi suất 3,5%/năm đến 4,0%/năm.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ APAX HOLDING

Tầng 4, tòa A, Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**b. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Điều chỉnh lũy kế	Giá gốc	Điều chỉnh lũy kế
Đầu tư vào công ty liên kết	578.000.000.000	2.821.532.969	580.821.532.969	591.960.000.000
Công ty CP Giáo dục tư duy và Sáng tạo CMS	200.000.000.000	(2.436.262.431)	197.563.737.569	200.000.000.000
Công ty CP Tập đoàn hạ tầng giáo dục (*)	178.000.000.000	5.257.795.400	183.257.795.400	190.000.000.000
Công ty CP Hạ tầng Trường liên cấp STEAME	200.000.000.000	-	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Studynet	-	-	-	1.960.000.000
Cộng	578.000.000.000	2.821.532.969	580.821.532.969	591.960.000.000
				53.476.594
				196.855.471.475
				195.158.005.119
				200.000.000.000
				(1.960.000.000)
				592.013.476.594

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (**)	Giá gốc
Đầu tư khác	239.100.000	(125.100.000)	-	239.100.000
Công ty Cổ phần Xi măng X18	125.100.000	(125.100.000)	-	125.100.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Tây Hồ	114.000.000	-	-	114.000.000
Cộng	239.100.000	(125.100.000)	-	239.100.000
				(125.100.000)
				592.013.476.594

(*) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 2903/2022/QĐ-HĐQT ngày 29/03/2022 thông qua chủ trương chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Tập đoàn Hạ tầng giáo dục cho Công ty CP quản lý quỹ đầu tư FPT và theo Biên bản ghi nhớ ngày 27/06/2022 giữa Công ty CP đầu tư Apax Holdings và Công ty CP quản lý quỹ đầu tư FPT, theo đó:

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng: Tối đa 13.800.000
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Giá chuyển nhượng theo đàm phán tại mỗi thời kỳ
- Thời gian thực hiện: trong năm 2022

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết trên thị trường cho công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của Công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Phải thu tiền học phí của học viên (*)	89.312.176.348	28.441.395.167
Nguyễn Vĩnh Hạnh	-	12.500.000.000
Đào Thị Tâm	-	9.500.000.000
Phạm Thị Thanh	6.598.000.000	-
Các đối tượng khác	29.858.180.954	17.400.482.077
Cộng	125.768.357.302	67.841.877.244

(*) Phải thu tiền học phí của học viên tại các Trung tâm đào tạo Anh ngữ của Công ty CP Anh ngữ Apax và tại các Trường mầm non của Công ty CP Phát triển giáo dục Igarten.

b. Số dư bên liên quan

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty CP thiết bị giáo dục Eschool	700.000.000	350.000.000
Công ty CP tập đoàn hạ tầng giáo dục	15.829.840.800	-

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Hà Nội	-	9.598.126.812
Công ty CP Tư vấn thiết kế hạ tầng cơ sở	7.391.144.216	17.991.144.216
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	39.224.760.334	35.000.519.085
Công ty CP phần mềm FIT	46.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH bảo vệ ca Thăng Long	14.216.948.000	9.292.271.055
Các đối tượng khác	48.957.154.548	25.019.055.741
Cộng	155.790.007.098	126.901.116.909

b. Số dư bên liên quan

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	40.845.241.192	56.663.293.770
Công ty CP tập đoàn hạ tầng giáo dục	4.947.858.163	-
Công ty CP Thiết bị Giáo dục Eschool	441.941.105	730.053.765
Công ty cổ phần Soya Garden	-	691.182.684

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a. Ngắn hạn	133.133.769.710		305.039.669.710	
Công ty TNHH thương mại vận tải Schoolbus (1)	4.750.000.000		4.750.000.000	
Hoàng Hồng Trung			24.635.000.000	
Trương Thị Kim Oanh			12.000.000.000	
Công ty TNHH thương mại Dịch vụ Hà Nội			9.300.000.000	
Công ty cổ phần tập đoàn giáo dục Egroup (2)	43.703.769.710		43.703.769.710	
Công ty cổ phần English Now Global (3)	45.580.000.000		-	
Cho vay khác (4)	39.100.000.000	-	210.650.900.000	
b. Dài hạn	1.000.000.000			
Cho vay khác	1.000.000.000		-	
Cộng	134.133.769.710	-	305.039.669.710	-

(1) Khoản cho vay Công ty TNHH thương mại vận tải Schoolbus theo hợp đồng 0111/2020 ngày 01/11/2020 và Phụ lục hợp đồng số: 0111/2021/PLHĐ ngày 01/11/2021. Lãi suất: 8,5%/năm. Thời gian vay: 12 tháng. Hình thức đảm bảo: Cho vay tín chấp.

(2) Khoản cho vay Công ty cổ phần tập đoàn giáo dục Egroup theo hợp đồng 0101/2021/AE-EG ngày 01/01/2021 và Phụ lục hợp đồng số: 3112/2021/PLHĐ ngày 31/12/2021. Lãi suất: 8,5%/năm. Thời gian vay: 12 tháng. Hình thức đảm bảo: Cho vay tín chấp.

(3) Khoản cho vay Công ty cổ phần English Now Global theo hợp đồng ngày 25/02/2022. Lãi suất: 8,5%/năm. Thời gian vay: 12 tháng. Hình thức đảm bảo: Cho vay tín chấp.

(4) Đây là các khoản cho tổ chức, cá nhân vay với kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng. Lãi suất 12%/năm đến 13%/năm

b. Số dư bên liên quan

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND	VND
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	Công ty mẹ sở hữu 59,76% vốn	43.703.769.710	43.703.769.710

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Phải thu khác ngắn hạn	214.691.211.745	-	877.821.890.164	-
Tạm ứng	3.451.711.985	-	13.782.893.794	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược (*)	137.444.330.255	-	800.411.983.814	-
Phải thu ngắn hạn khác (**)	73.795.169.505	-	63.627.012.556	-
b. Phải thu khác dài hạn	1.394.590.638.900	-	97.952.138.752	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược (*)	97.292.849.550	-	97.952.138.752	-
Phải thu dài hạn khác (**)	1.297.297.789.350	-	-	-
Cộng	311.984.061.295	-	975.774.028.916	-

(*) Chi tiết cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược
Ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH MTV Nam Phong	-	473.400.000.000
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Xây dựng công trình TCT (1)	20.167.535.791	30.000.000.000
Công ty CP Tập đoàn hạ tầng giáo dục (2)	49.500.000.000	49.500.000.000
Lưu Quang Thịnh (3)	66.268.000.000	66.268.000.000
Công ty Cổ phần Terra Gold Việt Nam	-	75.852.789.350
Các đối tượng khác	1.508.794.464	105.391.194.464
	137.444.330.255	800.411.983.814

Dài hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn giáo dục Egroup (5)	25.472.427.771	25.472.427.771
Các đối tượng khác (6)	71.820.421.779	72.479.710.981
	97.292.849.550	97.952.138.752

(**) Chi tiết các khoản phải thu khác

Ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Thiết bị Giáo dục Eschool (9)	31.076.161.000	30.529.800.000
Các đối tượng khác (10)	42.719.008.505	33.097.212.556
Cộng	73.795.169.505	63.627.012.556

Dài hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Terra Gold Việt Nam (4)	75.857.789.350	-
Công ty CP đầu tư Nam Phong Land (7)	423.400.000.000	-
Công ty Cổ Phần Trải Nghiệm Giáo Dục Sinh Thái Lam Sơn (8)	798.040.000.000	-
Cộng	1.297.297.789.350	-

- (1) Đặt cọc tại ngày 31/12/2019 cho Công ty CP Tư vấn đầu tư và Xây dựng công trình TCT theo hợp đồng số HĐNT 01/2018 và Phụ lục tháng 12/2019 về việc thi công thiết kế nội thất cho 12 điểm trường mầm non của Công ty, tổng mức đầu tư của dự án là 108 tỷ đồng, thời gian thực hiện đến ngày 31/12/2020. Phụ lục thỏa thuận hợp tác ngày 30/12/2020 gia hạn thời gian hợp tác từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2022.
- (2) Khoản đặt cọc theo Thỏa thuận hợp tác chiến lược với Công ty CP Tập đoàn hạ tầng giáo dục để tìm kiếm các mặt bằng cho Công ty CP Phát triển giáo dục Igarten mở rộng mô hình kinh doanh theo chiến lược phát triển mạng lưới của Công ty CP Phát triển giáo dục Igarten. Thời hạn hợp tác từ ngày 01/11/2021 đến ngày 31/10/2022.
- (3) Hợp đồng đặt mua cổ phần số 0502/2021/HDDMCP ngày 05/02/2021 về việc chuyển nhượng cổ phần phổ thông của Công ty CP Phát triển Giáo dục Việt Linh (Công ty Việt Linh), giữa Công ty CP Trường Liên Cấp Firbank Australia (Công ty Firbank) và Ông Lưu Quang Thịnh, theo đó Công ty Firbank sẽ mua lại số lượng cổ phần của Công ty Việt Linh từ Ông Lưu Quang Thịnh là: 909.860 cổ phần, giá mua cổ phần 90.000 VNĐ/ cổ phần, tổng giá trị đặt mua cổ phần là 81.887.400.000 VNĐ, ngày thực hiện chuyển nhượng không chậm hơn ngày 05/02/2023.
- Tính tới hết ngày 30/06/2022, Công ty Firbank đã đặt cọc cho ông Lưu Quang Thịnh tổng số tiền: 66.268.000.000 VNĐ
- (4) Theo Thỏa thuận hợp tác số 50/2019/TTHT/TG-APAX ngày 10/06/2019 về việc nhận chuyển nhượng "Phần dự án trường học" trên khu đất thực hiện dự án: Tổ hợp công trình hỗn hợp thương mại dịch vụ, văn phòng, nhà ở, nhà trẻ và trường học của Công ty CP Terra Gold Việt Nam. Chủ đầu tư là Công ty CP Terra Gold Việt Nam tại khu đất số 423 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy. Theo đó, thỏa thuận này được thiết lập cho mục đích ký hợp đồng chuyển nhượng "Phần dự án trường học" trên khu đất thuộc dự án trên Terra Gold sang cho Bên nhận chuyển nhượng phù hợp do Công ty CP Đầu tư Apax Holdings chỉ định. Việc thực hiện thỏa thuận được thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 0608/2019/QĐ-HĐQT ngày 06/08/2019. Thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 07/2021/TTSDBS/TG-APAX ngày 09/03/2021, trong vòng 03 năm kể từ ngày ký thỏa thuận hai bên sẽ thực hiện thủ tục chuyển nhượng Phần dự án trường học. Thỏa thuận bổ sung số 10/2021/TTSDBS/TG-APAX ngày 02/07/2021 bổ sung Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings còn phải thanh toán cho Công ty CP Terra Gold Việt Nam giá chuyển nhượng bao gồm: Tiền thuê đất với số tiền là 5.302.789.350 đồng (*Năm tỷ ba trăm linh hai triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn ba trăm năm mươi đồng*) và tiền sử dụng đất.
- (5) Khoản ký cược, ký quỹ dài hạn theo hợp đồng thuê các điểm trường mầm non cho Công ty CP Giáo dục Igarten
- (6) Phần lớn là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn theo các hợp đồng thuê địa điểm tại các trung tâm anh ngữ tại Công ty CP Anh ngữ Apax.
- (7) Theo hợp đồng số 102020/HĐĐC/AE-NP ngày 02/10/2020 về việc cùng hợp tác xây dựng, khai thác và phát triển Dự án Khu nhà ở và dịch vụ đa năng Vũng Áng tại địa chỉ khu kinh tế Vũng Áng, phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, thời gian của khoản đặt cọc là 450 ngày, Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ/AE-NP ngày 01/10/2021 gia hạn khoản đặt cọc đến 31/12/2022. Hai bên thống nhất và chuyển khoản đặt cọc này thành Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0104/2022/HDHTKD/APAX - NAM PHONG ngày 01/04/2022 giữa APAX và Công ty CP Đầu tư Nam Phong Land. Mục đích: hợp tác đầu tư, kinh doanh và phát triển trường học phù hợp với các phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và quy định của pháp luật hiện hành trên một phần dự án, quy mô đầu tư xây dựng và sử dụng đất của trường học: đất trường có diện tích xây dựng khoảng 886m², gồm 1 tòa nhà cao tầng và tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 3.544m². Thời hạn hợp tác: từ ngày ký hợp đồng đến hết 40 (bốn mươi) năm kể từ ngày Dự án đi vào hoạt động và Apax nhận bàn giao trường.
- (8) Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa công ty cổ phần Anh ngữ Apax (công ty con của APax Holdings) với Công ty Cổ Phần Trải nghiệm Giáo Dục Sinh Thái Lam Sơn theo hợp đồng số 156/2022/ECOLAMSON-APAX ký ngày 15/06/2022 số tiền: 598.040.000.000 VNĐ, Dự án: Khu du lịch trải nghiệm giáo dục sinh thái ECOPAX tại Thôn Làng Muốt, xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Diện tích dự kiến: 1.500.000 m². Mục tiêu xây dựng: Khu sinh thái giáo dục, du lịch văn hóa với các loại hình giải trí, nghỉ dưỡng, sinh hoạt cộng đồng,... thúc đẩy sự phát triển du lịch với thế mạnh địa phương. Theo đó Apax sẽ được phân chia lợi nhuận của dự án theo thỏa thuận về sau.
- (8) Khoản tiền góp vốn của Công ty cổ phần phát triển giáo dục Igarten (công ty con của APax Holdings) theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1606/2022/ECOLAMSON - IG ngày 16/6/2022 với Công ty CP trải nghiệm giáo dục sinh thái Lam Sơn để thực hiện Dự án Khu trải nghiệm giáo dục sinh thái Eco Apax tại Thôn Làng Muốt, xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa và dự án Trường Liên cấp Cẩm Thủy tại Khu Tân Lập 4, phường Cẩm Thủy, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký tới khi có thỏa thuận bằng văn bản riêng về việc chấm dứt hợp đồng.

(9) Khoản tiền góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKDCHXD/2020 ngày 15/11/2020 với Công ty CP Thiết bị giáo dục Eschool để thực hiện hợp tác xây dựng, vận hành kinh doanh chuỗi trung tâm trải nghiệm Academy trên địa bàn thành phố Hà Nội. Thời hạn hợp tác kinh doanh là 05 năm kể từ khi hợp đồng có hiệu lực.

(10) Các khoản phải thu dài hạn khác chủ yếu là tiền lãi của các khoản cho vay tại Công ty CP Phát triển giáo dục Igarten và Công ty CP Anh ngữ Apax.

c. Số dư với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND	VND
Chungdahm Learning, Inc	Cổ đông lớn của công ty con	-	82.678.012
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	Công ty mẹ sở hữu 59,76% vốn	25.603.377.771	25.846.042.180
Công ty cổ phần tập đoàn hạ tầng giáo dục	Công ty liên kết	49.500.000.000	49.500.000.000
Công ty CP Thiết bị Giáo dục Eschool	Cùng Công ty mẹ	31.076.161.000	31.455.448.820

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	2.490.345.478	-
Công cụ, dụng cụ	15.256.682.135	-	20.254.316.455	-
Hàng hoá	1.382.205.725	-	1.857.465.546	-
Hàng gửi đi bán	10.973.710.000	-	16.732.210.000	-
Cộng	27.612.597.860	-	41.334.337.479	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại ngày 30/06/2022: 0 VND.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại ngày 30/06/2022: 0 VND.

10. TÀI SẢN DỠ DANG DÀI HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>		
Chi phí phát triển dự án các điểm trường	2.709.113.051	2.709.113.051
Dự án Trường liên cấp Firbank Australia	26.872.002.896	14.806.106.279
Cộng	29.581.115.947	17.515.219.330

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị ĐCQL		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ										
Số dư đầu năm	762.613.975.829	12.706.634.455	7.248.081.035	4.344.894.106	786.913.585.425					
Số tăng trong kỳ	4.345.318.277	-	-	32.945.455	4.378.263.732					
- Mua trong kỳ	2.943.910.477	-	-	32.945.455	2.976.855.932					
- Phân loại lại	1.401.407.800	-	-	-	1.401.407.800					
Số giảm trong kỳ	(24.951.857.709)	-	-	(1.401.407.800)	(26.353.265.509)					
- Thanh lý, nhượng bán	(14.113.893.950)	-	-	(1.401.407.800)	(15.515.301.750)					
- Giảm do thanh lý khoản đầu tư	(10.837.963.759)	-	-	-	(10.837.963.759)					
Số cuối kỳ	742.007.436.397	12.706.634.455	7.248.081.035	2.976.431.761	764.938.583.648					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	323.976.020.016	11.689.278.600	2.594.582.208	2.982.225.353	341.242.106.177					
Số tăng trong kỳ	59.468.084.650	410.495.816	361.404.774	437.612.537	60.677.597.777					
- Khấu hao trong kỳ	58.556.778.371	410.495.816	361.404.774	437.612.537	59.766.291.498					
- Tăng do phân loại lại	911.306.279	-	-	-	911.306.279					
Số giảm trong kỳ	(13.103.201.484)	-	-	(911.306.279)	(14.014.507.763)					
- Thanh lý, nhượng bán	(8.500.275.767)	-	-	(911.306.279)	(8.500.275.767)					
- Giảm do phân loại lại	(4.602.925.717)	-	-	-	(4.602.925.717)					
- Giảm do thanh lý khoản đầu tư	(4.602.925.717)	-	-	-	(4.602.925.717)					
Số cuối kỳ	370.340.903.182	12.099.774.416	2.955.986.982	2.508.531.611	387.905.196.191					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	438.637.955.813	1.017.355.855	4.653.498.827	1.362.668.753	445.671.479.248					
Tại ngày cuối kỳ	371.666.533.215	606.860.039	4.292.094.053	467.900.150	377.033.387.457					

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2022: 47.239.126.163 đồng

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ APAX HOLDING

Tầng 4, tòa A, Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Bản quyền, bằng sáng chế	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	344.097.793.298	38.559.490.085	105.258.067.656	18.816.290.103	506.731.641.142
- Giảm do thanh lý khoản đầu tư	(13.332.126.000)		(25.244.558.127)		(38.576.684.127)
Số cuối kỳ	330.765.667.298	38.559.490.085	80.013.509.529	18.816.290.103	468.154.957.015
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm		3.436.706.215	48.824.838.384	2.964.955.638	55.226.500.237
- Khấu hao trong kỳ	499.999.998	132.149.820	4.591.935.561	882.761.983	6.106.847.362
- Giảm khác					
Số cuối kỳ	499.999.998	3.568.856.035	53.416.773.945	3.847.717.621	61.333.347.599
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	344.097.793.298	35.122.783.870	56.433.229.272	15.851.334.465	451.505.140.905
Tại ngày cuối kỳ	330.265.667.300	34.990.634.050	26.596.735.584	14.968.572.482	406.821.609.416

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đang thế chấp các khoản vay: 309.657.874.000 đồng

- Giá trị TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 80.000.000 đồng

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí thuê địa điểm kinh doanh	7.629.437.537	12.109.210.913
Chi phí bảo hiểm	115.540.837	
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1.804.197.404	22.676.149
Chi phí chăm sóc khách hàng	-	2.475.000.000
Chi phí trả trước khác	8.255.297.306	3.973.601.449
Chi phí thẻ nha khoa	-	
Phí bản quyền email	71.287.015	
Cộng	17.875.760.099	18.580.488.511
b. Dài hạn		
Chi phí thiết lập cơ sở vật chất các trung tâm dự án Apax Leader	72.050.937.569	129.398.250.872
Chi phí triển khai chương trình 7 habits of highly effective	13.878.615.260	31.809.844.246
Chương trình Apax Online	8.757.922.172	14.596.536.968
Chi phí thuê địa điểm kinh doanh trả trước	62.699.093.572	70.256.680.000
Chương trình Englisheye	-	4.493.659.440
Chi phí mua bản quyền phần mềm	26.613	2.501.613
Chi phí thành lập doanh nghiệp chờ phân bổ	-	1.935.115.331
Chi phí đầu tư tại các trường mầm non	-	10.432.942.420
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1.711.903.280	350.382.184
Chi phí thi công nội thất các trung tâm	947.343.211	13.951.969.895
Chi phí thẻ nha khoa	493.333.321	1.233.333.324
Chi phí trả trước khác	1.727.875.265	2.693.158.561
Cộng	162.267.050.263	281.154.374.854

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ APAX HOLDING

Tầng 4, tòa A, Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022**14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ		Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	VND	Giá trị	VND	Giá trị	VND
a. Vay ngắn hạn								
Vay ngắn hạn	620.897.715.256	620.897.715.256	285.359.311.563	VND	284.494.452.459	VND	620.032.856.152	VND
Công ty Cổ phần Skynet	-	-	277.480.528.563		278.096.019.119		543.753.239.737	
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered	-	-	-		2.800.000.000		2.800.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (1)	493.972.242.576	493.972.242.576	216.737.038.563		216.156.592.139		493.391.796.152	
Chi nhánh ngân hàng Chính sách xã hội Thành phố Hà Nội (2)	9.731.000.000	9.731.000.000	-		-		9.731.000.000	
Ngân hàng Chính sách xã hội Phòng giao dịch Quận Tân Bình và Quận 3, TP HCM (3)	645.487.886	645.487.886	-		1.237.432.114		1.882.920.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Sao Kim (4)	5.669.148.719	5.669.148.719	-		-		5.669.148.719	
Ngân hàng Chính sách xã hội quận Ba Đình (5)	6.780.280.000	6.780.280.000	-		1.057.970.000		7.838.250.000	
Công ty CP Đầu tư Eduland Trương Thị Tâm (6)	6.319.700.000	6.319.700.000	-		150.000.000		150.000.000	
Vũ Cẩm La Hương (7)	1.375.100.000	1.375.100.000	-		744.300.000		7.064.000.000	
Nguyễn Thị Hải (8)	18.644.790.000	18.644.790.000	60.743.490.000		42.098.700.000		1.375.100.000	
Các đối tượng khác	-	-	-		9.351.024.866		9.351.024.866	

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ APAX HOLDING

Tầng 4, tòa A, Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Nợ Dài hạn đến hạn trả	77.759.966.075	7.878.783.000	6.398.433.340	76.279.616.415
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (9)	70.290.771.488	7.000.000.000	4.000.000.000	67.290.771.488
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (10)	3.090.411.587	2.398.433.340		5.488.844.927
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN HCM (11)	3.500.000.000	3.500.000.000		3.500.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (12)	878.783.000	878.783.000		-
b. Vay dài hạn	1.361.185.749.959	2.678.369.973	23.768.345.047	1.382.275.725.033
- Vay Ngân hàng	77.923.222.571	-	22.044.007.923	99.967.230.494
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (9)	77.923.222.571	-	21.800.000.000	99.723.222.571
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (10)	-	244.007.923		244.007.923
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN HCM (11)	44.332.783.376	795.554.124		45.128.337.500
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (12)	35.118.350.621	895.426.328	928.783.000	35.151.707.293
Trái phiếu (13)	1.203.811.393.391	1.782.943.645		1.202.028.449.746
Cộng	1.982.083.465.215	288.037.681.536	308.262.797.506	2.002.308.581.185

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ APAX HOLDING

Tầng 4, tòa A, Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

Chi tiết các khoản vay

(1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo 2 hợp đồng tín dụng sau:

(i) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/8674692/HĐTD ngày 22/07/2021. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày kí hợp đồng. Hạn mức tín dụng 400.000.000.000 đồng (bốn trăm tỷ đồng) với lãi suất theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, bảo lãnh thanh toán, mở L/C. Số dư tại ngày 30/06/2022 là: 399.677.800.942 VND

(ii) Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2020/9930077/HĐTD ngày 01/10/2021 với ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân. Hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng. Lãi suất và thời hạn vay được quy định cụ thể theo từng lần giải ngân. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh cho công ty phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021-2022. Số dư vay tại ngày 30/06/2022 là: 94.294.441.634 VND

(2) Hợp đồng tín dụng số 01//2021/HĐTD ngày 09/08/2021 với Chi nhánh ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Hà Nội, thời hạn 11 tháng kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên lãi vay 0%/năm, lãi suất quá hạn 12%/năm, mục đích sử dụng vốn vay là trả lương ngừng việc cho 1246 người lao động. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư vay tại ngày 30/06/2022 là: 9.731.000.000 VND

(3) HĐTD số 20/2021/HĐTD.NCoV ngày 14/10/2021 với Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội quận Tân Bình và Quận 3, thời hạn 11 tháng kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên lãi vay 0%, lãi suất quá hạn 12%/năm, mục đích sử dụng vốn vay là trả lương ngừng việc cho nhân viên. Khoản vay không tài sản đảm bảo. Số dư vay tại ngày 30/6/2022: 645.487.886 VND

(4) Khoản vay Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Sao Kim theo phụ lục hợp đồng số 05 ngày 10/10/2021, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 9,5%/năm, mục đích thanh toán các chi phí, công nợ phát sinh từ hoạt động vận hành hệ thống các trung tâm anh ngữ, khoản vay không có tài sản đảm bảo. Theo thông báo nhắc công nợ số 609/2022/CVSK-APAX ngày 26/07/2022 của Công ty CP đầu tư và dịch vụ Sao Kim, Công ty Sao Kim đồng ý gia hạn thời gian hoàn trả ứng vốn đến ngày 31/07/2022. Số dư vay tại ngày 30/06/2022 là: 5.669.148.719 VND

(5) Hợp đồng tín dụng số 115/2021/HĐTD ngày 12/08/2021 và phụ lục hợp đồng số 115/2021/HĐTD/PL01 ngày với Ngân hàng Chính sách xã hội quận Ba Đình, số tiền vay 6.780.280.000 đồng, thời hạn cho vay 11 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 0%/năm, lãi quá hạn 12%/năm. Mục đích vay để trả lương ngừng việc với lao động. Số dư vay tại ngày 30/06/2022 là: 6.780.280.000 VND

(6) Khoản vay bà Trương Thị Tâm theo Hợp đồng vay tiền với số tiền cho vay là 6.319.700.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022, lãi suất là 12%/năm. Số dư vay tại ngày 30/06/2022 là: 6.319.700.000 VND

(7) Khoản vay bà Vũ Cẩm La Hương theo Hợp đồng vay số 01.07.2021/HĐV/AH-VCLH ngày 01/07/2021 với số tiền cho vay là: 1.375.100.000 đồng, thời hạn cho vay từ 01/07/2021 đến ngày 01/07/2022, lãi suất là 7%/năm. Số dư vay tại ngày 30/06/2022 là: 1.375.100.000 VND

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ APAX HOLDING

Tầng 4, tòa A, Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

(8) Khoản vay bà Nguyễn Thị Hải theo Hợp đồng vay số 04.01.2022/HĐV/NTH-AH ngày 04/01/2022 với số tiền cho vay là: 65.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay là: 65.000.000.000 đồng, bắt đầu từ ngày 09 tháng 06 năm 2022, lãi suất là 5%/năm. Số dư vay tại ngày 30/06/2022 là: 18.644.790.000 VND

(9) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo các hợp đồng sau:

- (i) HĐTD hạn mức số 02/2017/8674692/HĐTD ngày 29/09/2017. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 đồng (một trăm năm mươi tỷ đồng) với lãi suất cho vay thả nổi điều chỉnh 3 tháng/lần. Mục đích để cho vay, bảo lãnh thanh toán, mở L/C để thanh toán các chi phí thực hiện dự án "Đầu tư mới 50 trung tâm dạy tiếng Anh theo chuẩn APAX" do công ty CP Anh ngữ Apax làm chủ đầu tư. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Dự án, bất động sản và 25 triệu cổ phần IBC thuộc sở hữu của công ty CP tập đoàn Egroup.

- (ii) HĐTD hạn mức số 02/2019/8674692/HĐTD ngày 30/09/2019. Thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày đầu tiên giải ngân. Hạn mức tín dụng là 149.500.000.000 đồng (một trăm bốn mươi chín tỷ năm trăm triệu đồng) với lãi suất áp dụng là lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần. Mục đích để cho vay, bảo lãnh thanh toán, mở L/C để thanh toán các chi phí thực hiện dự án "Đầu tư mới 45 trung tâm dạy tiếng Anh theo chuẩn APAX" do công ty CP Anh ngữ Apax làm chủ đầu tư. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư của dự án 45 trung tâm, thế chấp bổ sung quyền khai thác kinh doanh các trung tâm anh ngữ do BIDV tài trợ vốn, đảm bảo chung bằng 10 triệu cổ phần IBC của công ty CP Apax Holdings hiện đang được cầm cố cho dự án 50 trung tâm năm 2017

Số dư vay tại ngày 30/06/2022 là: 112.792.910.931 VND, trong đó số dư nợ dài hạn đến hạn trả là: 57.790.771.488 VND

- (iii) Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 02/2019/9930077/HĐTD ngày 30/09/2019 với ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân, hạn mức vay là 47 tỷ đồng. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn: Áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi suất áp dụng từ ngày giải ngân đầu tiên đến ngày 31/03/2020 là 9,5%/năm, lãi suất các ngày tiếp theo được tính bằng lãi suất tiết kiệm trả lãi sau kỳ hạn 24 tháng của Ngân hàng cộng 3,5%/năm. Mục đích của khoản vay là thực hiện dự án đầu tư mở mới 08 trường mầm non STEAME GARTEN.

Tài sản đảm bảo hợp đồng trên là:

- + (1) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thừa đất tại nền H23 khu tái định cư 17,3 ha phường An Phú, quận 2, TP Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản 03/2019/9930077/HĐTC ngày 03/10/2019,
 - + (2) Quyền sở hữu căn hộ chung cư ở địa chỉ Ô đất CT2, Khu đô thị mới Mỹ Đình - Mỹ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 07/2019/993077/HĐTC ngày 15/01/2020,
 - + (3) Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở địa chỉ B6-05A, khu chức năng đô thị Thành phố Xanh, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản 06/2019/993077/HĐTC ngày 05/12/2019,
 - + (4) 4.000.000 Cổ phiếu của Công ty CP Tập đoàn Egroup sở hữu tại Công ty CP Đầu tư Apax Holdings theo Hợp đồng thế chấp cổ phiếu niêm yết số 04/2019/993077/HĐCC ngày 23/10/2019,
 - + (5) Quyền sở hữu căn hộ chung cư số A2315 tòa A-Chung cư Imperia Garden. Khối nhà A, Tổ hợp văn phòng nhà ở cao cấp kết hợp dịch vụ thương mại HBI, số 203 Nguyễn Huy Tường, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội,
 - + (6) Quyền sở hữu căn hộ chung cư số 3315- Tòa B, Khu nhà ở cao cấp Viglacera - Thăng Long N01, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp bất động sản ngày 28/11/2020, (7) Quyền sở hữu căn hộ chung cư số A3510, Khu nhà ở cao cấp Viglacera - Thăng Long N01, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội theo hợp đồng thế chấp bất động sản ngày 18/12/2020.
- Số dư vay tại ngày 30/06/2022 là: 35.421.083.128 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là: 12.500.000.000 VND.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ APAX HOLDING

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tầng 4, tòa A, Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

(10) Khoản vay Ngân hàng TNHH Standard Chartered theo các Thư cấp tín dụng trung và dài hạn số BFL/11-HN, BFL/12-HN, BFL/13-HN, BFL/14-HN ngày 21/12/2017. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích vay để mua bán quyền, giấy phép, chương trình học từ công ty Chungdahm Learning Inc. Lãi suất bằng chi phí vốn (%/năm) của ngân hàng trừ biên độ 0%/năm hoặc lãi suất đặc biệt được quy định theo thông báo rút vốn và giấy chứng nhận nợ trong ngày rút vốn. Tài sản thế chấp cho các khoản vay gồm: 04 thửa đất và tài sản trên đất tại TP Hà Nội mang tên ông Nguyễn Ngọc Thùy và bà Lê Thị Thanh Hiền. Số dư vay tại ngày 30/06/2022 là: 3.090.411.587 VND.

(11) Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0412/KHDN/21/CVTL ngày 23/08/2021 kèm theo hợp đồng cấp tín dụng số 0411/KHDN/21 ngày 23/08/2021. Hạn mức tín dụng là 49.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất cho vay theo thỏa thuận giữa khách hàng và ngân hàng tại thời điểm nhận nợ, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn đầu tiên, phương thức cho vay từng lần, mục đích sử dụng vốn vay là để thanh toán chi phí trả trước dài hạn tiền thuê mặt bằng kinh doanh. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và nhà ở tại 03 thửa đất và tài sản trên đất tại TP Hà Nội mang tên ông Nguyễn Ngọc Thùy và bà Lê Thị Thanh Hiền, quyền sử dụng sản thương mại một phần tầng 1, tầng 2, tầng 3 và tầng KT1 tòa nhà A dự án Việt Đức Complex tại 164 Khuất Duy Tiên, Quận Thanh Xuân, Hà Nội thuộc sở hữu của công ty Cổ Phần Tập đoàn giáo dục Egroup, 15 triệu cổ phần Công ty CP đầu tư Apax Holdings niêm yết tại HOSE thuộc sở hữu của công ty CP tập đoàn Egroup, Tài khoản tiền gửi/sổ tiết kiệm/giấy tờ có giá do Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam phát hành thuộc sở hữu của khách hàng. Số dư vay tại ngày 30/06/2022 là: 47.832.783.376 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là: 3.500.000.000 VND.

(12) Khoản vay theo hợp đồng cho vay số 2021/HDTD/VPB-APAX ngày 24/05/2021. Tổng hạn mức vay 229.958.000.000 đồng. Giá trị nhận theo từng khế ước nhận nợ. Khế ước nhận nợ kỳ này là 84 tháng. Từ ngày 28/5/2021 đến 28/05/2028. Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 10,1%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được cố định trong 02 tháng và hết 02 tháng lãi suất được điều chỉnh (+) biên độ 2,5%/năm. Tài sản cầm cố bao gồm các hợp đồng sau:

i). Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/NGUYENNGOCTHUY ngày 24/05/2021: Bên bảo lãnh là Ông Nguyễn Ngọc Thùy. Bên được bảo lãnh là Công ty CP Đầu tư Apax Holdings;
ii). Hợp đồng cầm cố chứng khoán để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 01/HDCCCK/VPB-APAX ngày 24/05/2021: Bên cầm cố là Công ty CP Tập đoàn giáo dục Egroup tài sản cầm cố chứng khoán sau đây thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn giáo dục Egroup do Công ty CP Đầu tư Apax Holdings phát hành và toàn bộ cổ tức/lãi, quyền mua chứng khoán và các quyền và lợi ích vật chất khác phát sinh từ số chứng khoán này mã chứng khoán là IBC số lượng cổ phiếu 3.000.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000đ/Cổ phiếu. Bên vay là Công ty CP Đầu tư Apax Holdings. Bên nhận cầm cố Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Tài sản cầm cố đang được niêm yết để giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh. Tài sản cầm cố được lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và được quản lý bởi Công ty CP Chứng khoán VPS và đã được phong tỏa số lượng chứng khoán tại thời điểm cầm cố;

iii). Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/HĐTCQT/VPB-APAX ngày 24/05/2021: Bên thế chấp Công ty CP Đầu tư Apax Holdings và bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Tài sản thế chấp Tất cả các quyền tài sản có phát sinh hoặc liên quan đến thỏa thuận hợp tác số 50/2019/TTH/TG-APAX ngày 10/06/2019 giữa Công ty CP Terra Gold Việt Nam và Công ty CP Đầu tư Apax Holdings.

- Số dư vay tại ngày 30/06/2022 là: 35.997.133.621, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là: 878.783.000 VND.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ APAX HOLDING

Tầng 4, tòa A, Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022**14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

(tiếp theo)

Trái phiếu thường

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Lãi suất	Giá trị	Lãi suất
a. Trái phiếu phát hành	1.131.227.391.783		1.129.631.613.998	
Loại phát hành theo mệnh giá	1.131.227.391.783		1.129.631.613.998	
+ Mã trái phiếu: IGECH2124001 và IGARTEN_BOND2020 (i)	333.092.419.180	12,5%/năm	332.311.641.395	12,5%/năm
+ Mã trái phiếu: AECH2123C01 (ii)	199.422.917.808	12,5%/năm	198.907.917.808	12,5%/năm
+ Mã trái phiếu: AECH2124C02 (iii)	298.712.054.795	12,5%/năm	298.412.054.795	12,5%/năm
+ Trái phiếu phát hành theo mệnh giá (iv)	300.000.000.000	12,5%/năm	300.000.000.000	12,5%/năm
b. Trái phiếu chuyển đổi (v)	72.584.001.608	5%/năm	72.396.835.748	5%/năm

Chi tiết các khoản trái phiếu phát hành theo mệnh giá:

(i) Chi tiết Mã trái phiếu: IGECH2124001 và IGARTEN_BOND2020

- Trái phiếu phát hành đợt 1 với mệnh giá 500.000.000 đồng/trái phiếu, số lượng trái phiếu phát hành là 270 trái phiếu, lãi suất 12,5%/năm, kỳ hạn 3 năm kể từ ngày 31/12/2020 đến ngày 31/12/2023. Trái phiếu được đảm bảo bằng tài sản là 4.800.000 cổ phần của Công ty CP Anh ngữ Apax và các quyền, lợi ích từ/có liên quan đến số cổ phiếu này kể từ ngày thể chấp, tương ứng 240 tỷ đồng (theo Báo cáo định giá ngày 28/12/2019 do Công ty TNHH PwC Việt Nam phát hành). Mục đích phát hành trái phiếu là để tăng quy mô vốn hoạt động và cơ cấu lại các khoản nợ của Tổ chức phát hành.

- Trái phiếu phát hành đợt 2 với mệnh giá 10.000.000 đồng/trái phiếu, số lượng trái phiếu phát hành là 20.000 trái phiếu, lãi suất 12,5%/năm, kỳ hạn 3 năm kể từ ngày 08/06/2021 đến ngày 08/06/2024. Trái phiếu được đảm bảo bằng tài sản là 4.800.000 cổ phần của Công ty CP Anh ngữ Apax và các quyền, lợi ích từ/có liên quan đến số cổ phiếu này kể từ ngày thể chấp, tương ứng 250 tỷ đồng (theo Báo cáo định giá ngày 04/06/2021 do Công ty CP Thẩm định và Đầu tư tài chính Hoa Sen phát hành). Mục đích phát hành trái phiếu là để tăng quy mô vốn hoạt động và cơ cấu lại các khoản nợ của Tổ chức phát hành.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ APAX HOLDING

Tầng 4, tòa A, Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

(ii) Chi tiết Mã trái phiếu: AECH2123001

Theo Nghị quyết 1201/2021/NQ-HĐQT ngày 12/01/2021 về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu Apax English năm 2021, chi tiết như sau:

Mục đích phát hành: bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo là quyền sử dụng sản thương mại tầng 1,2,3 và tầng KT1 Tòa A của dự án Việt Đức Complex tại 164 Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, Hà Nội với tổng diện tích 3.403 m² và 15 triệu cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư Apax Holding (HOSE: IBC) do Công ty tập đoàn giáo dục Egroup sở hữu.

Mã trái phiếu: AECH2123001; Mệnh giá: 100.000 VND/TP

Giá trị phát hành: 200.000.000.000 VND

Khối lượng TP phát hành: 2.000.000 TP (theo mệnh giá)

Ngày phát hành: 23/01/2021; Kỳ hạn TP: 24 tháng kể từ ngày phát hành.

Lãi suất TP: Lãi cố định 12%/năm, trả lãi định kỳ mỗi 3 tháng/lần kể từ ngày phát hành.

(iii) Chi tiết Mã trái phiếu: AECH2124002

Theo Nghị quyết 1608/2021/NQ-HĐQT ngày 16/08/2021 về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu Apax English đợt 2 năm 2021, chi tiết như sau:

Mục đích phát hành: bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo là 13.000.000 cổ phần đang lưu hành của Công ty CP phát triển giáo dục Igarten, trong đó 11.490.000.000 cổ phần thuộc sở hữu của Công ty CP Đầu tư Apax Holding (HOSE: IBC) và 1.510.000 cổ phần thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Mạnh Phú.

Mã trái phiếu: AECH2124002; Mệnh giá: 10.000.000 VND/TP

Giá trị phát hành: 300.000.000.000 VND

Khối lượng TP phát hành: 300.000 TP (theo mệnh giá)

Ngày phát hành: 24/08/2021; Kỳ hạn TP: 36 tháng kể từ ngày phát hành.

Lãi suất TP: Lãi cố định 12,5%/năm, trả lãi định kỳ mỗi 3 tháng/lần kể từ ngày phát hành.

(iv) Chi tiết Trái phiếu phát hành theo mệnh giá

Theo Biên bản họp HĐQT số 1409/2020/BB-HĐQT ngày 14/09/2020, Nghị quyết hội đồng quản trị số 1709/2020/NQ-HĐQT ngày 17/09/2020 phê duyệt phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ, Tổng giá trị trái phiếu phát hành 300 trái phiếu; Ngày phát hành ngày 01/10/2020 và ngày kết thúc đợt phát hành ngày 21/12/2020. Đây là loại trái phiếu kỳ hạn 3 năm, trả lãi 6 tháng/lần với lãi suất cố định 12,5%/năm. Theo quy định, trái chủ được quyền yêu cầu Apax Holdings mua lại tối đa 50% trái phiếu sau 12 tháng và 100% sau 24 tháng kể từ ngày phát hành. Khi đó, trái phiếu sẽ được hưởng lãi suất cố định tương ứng là 10,5%/năm và 11,5%/năm. Ngược lại, trong điều kiện Apax Holdings có nhu cầu mua lại trái phiếu trước hạn kể từ 24 tháng đến dưới 36 tháng thì lãi suất sẽ là 12,5% với tối đa 100% tổng số lượng trái phiếu mà trái chủ sở hữu tại thời điểm đề nghị mua lại.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ APAX HOLDING

Tầng 4, tòa A, Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

- Lãi suất danh nghĩa và kỳ hạn trả lãi:

+ Lãi suất danh nghĩa bằng VND: Trái phiếu có lãi suất cố định

+ Kỳ hạn trả lãi: Tiền lãi Trái phiếu được trả sau, định kỳ 6 tháng một lần.

Mỗi trái phiếu sẽ được tính lãi kể từ và bao gồm ngày phát hành hoặc ngày tổ chức phát hành thực tế nhận số tiền đặt mua đối với trái phiếu đó, tùy ngày nào đến sau cho đến, nhưng không bao gồm ngày thanh toán/hoàn trả gốc trái phiếu.

- Lãi suất phát hành thực tế: Trái phiếu có lãi cố định 12,5%/năm.

- Hình thức đảm bảo khoản vay: 7.500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Anh ngữ APAX

Đại lý quản lý tài sản đảm bảo: Công ty CP Chứng khoán An Bình.

- Hình Thức đảm bảo: Trái phiếu được đảm bảo bằng tài sản.

- Tài sản bảo đảm: Nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi Trái phiếu, lãi chậm trả Trái phiếu và các nghĩa vụ thanh toán khác của tổ chức phát hành đối với và liên quan đến trái phiếu được đảm bảo bằng tài sản tương ứng với 125% Tổng giá trị Trái phiếu lưu hành theo mệnh giá. Từ ngày phát hành cho đến ngày báo cáo kết quả phát hành, tài sản bảo đảm là 7.500.000 cổ phần Công ty CP Anh ngữ Apax thuộc sở hữu của Tổ chức phát hành và các quyền, lợi ích phát sinh từ/có liên quan đến số cổ phiếu này kể từ ngày thế chấp. Số lượng cổ phần thế chấp ban đầu có thể được điều chỉnh tùy nhiên phải đảm bảo tổng giá trị cổ phần thế chấp ban đầu sau khi kết thúc đợt phát hành không thấp hơn 125% Tổng giá trị Trái phiếu lưu hành theo mệnh giá.

(v) Chi tiết Trái phiếu chuyển đổi

(* Ngày 21/06/2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ lần 1 với giá trị 207 tỷ đồng trái phiếu có kỳ hạn 5 năm và lãi suất phát hành 5%/năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2018. Trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, việc thực hiện quyền chuyển đổi sẽ thuộc về trái chủ. Trái chủ có quyền thực hiện chuyển đổi hoặc không chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ khối lượng trái phiếu đang nắm giữ. Tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần, Công ty sẽ thực hiện phát hành cổ phần cho số trái phiếu được chuyển đổi và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phần được phát hành.

Phương thức tính giá chuyển đổi như sau: giá thực hiện chuyển đổi sẽ được xác định theo công thức cao hơn giá tham khảo và không thấp hơn giá điều chỉnh:

- Giá tham khảo: giá bình quân của: 1 tháng giao dịch + 1 tuần giao dịch (được xác định trước bằng văn bản) chia cho 3;
 - Giá điều chỉnh: 70% của giá tham khảo;
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mức giá chuyển đổi cụ thể tại thời điểm chuyển đổi theo tiêu chí giá tham khảo và giá điều chỉnh như đã nêu trên.
- Do trái phiếu phát hành không xác định được số lượng cổ phiếu tại thời điểm phát hành mà phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn nên được Công ty trình bày là trái phiếu thường.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi sẽ được sử dụng như sau:

- Giải ngân số tiền 188.785.840.000 đồng để mua 18.878.584 cổ phiếu Apex English, nâng tổng số cổ phiếu Công ty sở hữu tại Apex English lên 42.169.384 cổ phiếu;
- Bổ sung nguồn vốn lưu động cho các hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Apex Holdings số tiền: 18.214.160.000 đồng.



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ APAX HOLDING

Tầng 4, tòa A, Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

Chi phí phát hành trái phiếu là 2.170.000.000 đồng, chi phí này được phân bổ đều vào chi phí hàng năm với thời hạn 05 năm.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-DHĐCD ngày 09 tháng 04 năm 2018 thông qua phương án Phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ năm 2018; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ 1 năm 2019 số 0609/2019/NQ-DHĐCD ngày 06 tháng 09 năm 2019 thông qua việc thay đổi cách tính giá chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi; Nghị quyết số 210/2019/QĐ-HDQT ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc phê duyệt chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu cho trái chủ, đã thông qua phương án chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu cho trái chủ như sau:

Tổng khối lượng trái phiếu đã chuyển đổi:

Tổng giá trị trái phiếu đã chuyển đổi:

Tỷ lệ chuyển đổi:

103 trái phiếu

103.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)

1: 49.835,54 (Một trái phiếu được chuyển đổi thành 49.835,54 cổ phiếu). Nguyên tắc làm tròn số cổ phiếu được chuyển đổi: theo nguyên tắc làm tròn xuống. Cổ phiếu là phát sinh do làm tròn xuống sẽ bị hủy.

Ngày chuyển đổi:

Ngày chốt danh sách trái chủ để chuyển đổi:

Ngày chốt danh sách để trả lãi trái phiếu (gần nhất):

Số lượng cổ phiếu đã được chuyển đổi:

Chuyển đổi 103 trái phiếu (giá trị trái phiếu là 103 tỷ đồng) thành 5.133.059 cổ phiếu với giá chuyển đổi 20.066 đồng. Tại ngày 11/10/2019, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ thành cổ phiếu theo văn bản số 6152/UBCK-QLCB.

Theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 1908/2021/NQ-HĐQT ngày 19/08/2021, Công ty tiếp tục chuyển đổi trái phiếu như sau:

Tổng khối lượng trái phiếu đã chuyển đổi:

Tổng giá trị trái phiếu đã chuyển đổi:

Chuyển đổi 103 trái phiếu (giá trị trái phiếu là 103 tỷ đồng) thành 5.133.059 cổ phiếu với giá chuyển đổi 20.066 đồng. Tại ngày 11/10/2019, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ thành cổ phiếu theo văn bản số 6152/UBCK-QLCB.

Theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 1908/2021/NQ-HĐQT ngày 19/08/2021, Công ty tiếp tục chuyển đổi trái phiếu như sau:

Tổng khối lượng trái phiếu đã chuyển đổi:

Tổng giá trị trái phiếu đã chuyển đổi:

Tỷ lệ chuyển đổi:

31 trái phiếu

31.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)

1: 50.352,47 (Một trái phiếu được chuyển đổi thành 50.352,47 cổ phiếu). Nguyên tắc làm tròn số cổ phiếu được chuyển đổi: theo nguyên tắc làm tròn xuống. Cổ phiếu là phát sinh do làm tròn xuống sẽ bị hủy.

Ngày chuyển đổi:

Ngày chốt danh sách trái chủ để chuyển đổi:

Ngày chốt danh sách để trả lãi trái phiếu (gần nhất):

Số lượng cổ phiếu đã được chuyển đổi:

19 tháng 08 năm 2021

17 tháng 08 năm 2021

11 năm 06 năm 2021

1.560.926 cổ phiếu

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Ngắn hạn				
Chungdahm Learning, Inc	16.989.331.840	16.989.331.840	16.989.331.840	16.989.331.840
Công ty TNHH Dịch Vụ và DL Quốc Tế Á Châu	3.226.864.160	3.226.864.160		-
Chi nhánh tại tỉnh Hà Tĩnh - Công ty TNHH Vincom Retail Miền Bắc	3.200.660.996	3.200.660.996		-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Bộ Ba	1.858.542.856	1.858.542.856	120.657.098	120.657.098
Công ty CP Tư vấn ĐT và Xây dựng công trình TCT		-	10.514.859.914	10.514.859.914
Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư Ecapital		-	13.550.516.100	13.550.516.100
Công ty TNHH KPMG	1.384.748.200	1.384.748.200	1.384.748.200	1.384.748.200
Các đối tượng khác	95.739.972.124	95.739.972.124	101.546.440.995	101.546.440.995
Cộng	122.400.120.176	122.400.120.176	144.106.554.147	144.106.554.147

b. Số dư bên liên quan

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND	VND
Công ty CP anh ngữ Apax Academy	Công ty liên kết của công ty cùng tập đoàn	507.897.140	507.897.140
Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư Ecapital	Công ty liên quan	-	13.550.516.100
Công ty cổ phần tập đoàn hạ tầng giáo dục	Công ty liên kết	-	120.657.098
Chungdahm Learning, Inc	Cổ đông lớn của công ty con	16.989.331.840	16.989.331.840

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Học sinh trả trước tiền học phí (*)	124.512.076.305	66.115.221.826
Các đối tượng khác	1.709.870.000	1.709.870.000
Cộng	126.221.946.305	67.825.091.826

(*) Khoản trả trước tiền học phí tại các Trung tâm anh ngữ của Công ty CP Anh ngữ Apax và các trường mầm non của Công ty CP Phát triển giáo dục Igarten mà Công ty thu được của học sinh sau khi ký kết hợp đồng nhưng chưa đúng thời hạn học.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số còn phải thu cuối kỳ	Số còn phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.611.700.985	898.669.035	2.336.098.308	-	1.174.271.712
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	38.749.099.338	15.865.558.933	12.246.125.765	-	42.368.532.506
Thuế Thu nhập cá nhân	-	121.142.434.604	14.930.384.718	7.297.807.763	-	128.775.011.559
Các loại thuế khác	68.899.629	1.960.931.020	2.882.398.407	392.769.172	61.686.981	4.443.347.607
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	7.768.175.248	5.027.146.902	339.709.360	-	12.455.612.790
Cộng	68.899.629	172.232.341.195	39.604.157.995	22.612.510.368	61.686.981	189.216.776.174

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Trích trước chi phí thi công nội thất các trung tâm	-	15.739.136.636
Trích trước chi phí ghi danh học sinh	145.155.491.711	64.987.070.658
Trích trước chi phí lương, thưởng	-	11.062.047.323
Trích trước chi phí thuê địa điểm kinh doanh	20.042.105.273	70.329.360.442
Trích trước chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	22.741.150.229	16.359.964.396
Trích trước chi phí tài sản cố định phải trả	30.647.877.224	24.952.756.244
Chi trả phải trả khác	80.535.959.608	59.343.903.839
Cộng	299.122.584.045	262.774.239.538

b. Số dư bên liên quan

	Số cuối kỳ	Số đầu năm	
	VND	VND	
Mối quan hệ			
Chungdahm Learning, Inc	Cổ đông lớn của công ty con	85.029.175.921	64.987.070.658
Công ty cổ phần tập đoàn hạ tầng giáo	Công ty liên kết	3.992.868.726	-
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	Công ty mẹ sở hữu 59,76% vốn	3.635.089.383	51.471.081

19. PHẢI TRẢ KHÁC

a. Phải trả khác ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	10.729.281.183	10.488.095.706
Bảo hiểm xã hội	63.856.013.131	54.122.265.031
Bảo hiểm y tế	19.237.932.632	17.300.432.370
Bảo hiểm thất nghiệp	7.260.731.744	6.500.795.837
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	219.980.000	228.030.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	48.527.010.242	44.941.268.866
Cộng	149.830.948.932	133.580.887.810

b. Số dư bên liên quan

	Số cuối kỳ	Số đầu năm	
	VND	VND	
Mối quan hệ			
Chungdahm Learning, Inc	Cổ đông lớn của công ty con	5.877.107.550	5.877.107.550
Công ty CP anh ngữ Apax Academy	Công ty liên kết của công ty cùng tập đoàn	18.157.211.689	
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	Công ty mẹ sở hữu 59,76% vốn	2.915.860.783	

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		
Tiền học phí thu trước	178.910.930.398	195.583.320.522
b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		
Tiền học phí thu trước	12.220.188.744	22.115.080.946
Cộng	191.131.119.142	217.698.401.468

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	815.897.350.000				2.358.204.908	233.237.828.043	1.051.493.382.951		
Tăng trong năm	15.609.260.000		15.335.740.000		112.265.496.006	402.849.294.700	546.059.790.706		
Điều chỉnh hồi tố do thay đổi thuế TNDN phải nộp					12.330.849.829		12.330.849.829		
Giảm khác					(45.046.305.473)	-	(45.046.305.473)		
Số dư đầu năm nay	831.506.610.000		15.335.740.000		81.908.245.270	636.087.122.743	1.564.837.718.013		
Lãi trong kỳ					18.798.282.937	4.117.295.991	22.915.578.928		
Ảnh hưởng do thanh lý công ty con					17.336.116.849	14.777.791.100	32.113.907.949		
Công ty con tăng vốn						19.350.000.000	19.350.000.000		
Giảm khác					(14.122.723.471)	(24.500.000.000)	(38.622.723.471)		
Số cuối kỳ	831.506.610.000		15.335.740.000		103.919.921.584	649.832.209.834	1.600.594.481.418		

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	496.899.990.000	59,76%	496.899.990.000	59,76%
- Ông Nguyễn Ngọc Thùy	66.939.760.000	8,05%	66.939.760.000	8,05%
- Các cổ đông khác	267.666.860.000	32,19%	267.666.860.000	32,19%
	831.506.610.000	100%	831.506.610.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	831.506.610.000	815.897.350.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	15.609.260.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	831.506.610.000	831.506.610.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	83.150.661	83.150.661
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	83.150.661	83.150.661
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>83.150.661</i>	<i>83.150.661</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	83.150.661	83.150.661
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>83.150.661</i>	<i>83.150.661</i>

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	668.398.256.709	979.321.722.518
- Doanh thu bán hàng hóa	544.444.390	835.999.902
- Doanh thu khác	324.074.074	8.841.353.204
Cộng	669.266.775.173	988.999.075.624

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	435.069.316.241	717.873.607.397
- Giá vốn bán hàng hóa	337.246.154	709.096.885
- Giá vốn khác		1.072.298.400
Cộng	435.406.562.395	719.655.002.682

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	19.500.396.346	7.839.981.998
- Lãi khoản đặt cọc cho ông Nguyễn Ngọc Thùy	-	13.335.821.653
- Lãi chuyển nhượng quyền mua cổ phần, bán cổ phần (*)	54.420.000.000	75.000.000.000
- Khác	1.000.000	276.289.858
Cộng	73.921.396.346	96.452.093.509

(*) Bao gồm

Lãi từ Hợp đồng chuyển nhượng quyền mua cổ phần số: 2502/2022/HĐCNQM/APAX-NNT ngày 25/02/2022 giữa Công ty cổ phần đầu tư Apax Holdings và Ông Nguyễn Ngọc Thùy. Theo đó số lượng quyền mua cổ phần được chuyển nhượng: 1.890.000 quyền mua. Giá chuyển nhượng quyền mua cổ phần: 8.000 đồng/ 1 quyền mua.

Lãi khoản đầu tư do bán 1.200.000 cổ phần của công ty cổ phần Tập đoàn Hạ tầng giáo dục theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số: 01/2022/HĐCN-ECAP với Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư FPT và lãi do thanh lý 2.550.000 cổ phần của công ty cổ phần English now global theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số: 02/2022/HĐCN-ENG với Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư FPT.

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Lãi tiền vay	29.495.993.534	48.330.198.033
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	313.220.291
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	7.220.063	153.875.000
- Lãi trái phiếu phát hành	70.318.445.731	16.504.899.322
- Chi phí phát hành trái phiếu	2.032.443.645	647.274.155
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(16.423.100.934)	-
- Chi phí tài chính khác	-	1.427.636.244
Cộng	85.431.002.039	67.377.103.045

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	3.631.545.904	1.437.233.315
- Chi phí nhân công	79.703.761.430	137.994.261.828
- Chi phí khấu hao	77.506.794	79.074.936
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.835.183.403	36.450.819.845
- Chi phí khác bằng tiền	1.335.493.598	6.725.446.684
Cộng	92.583.491.129	182.686.836.608

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	310.978.280	1.215.475.693
- Chi phí nhân công	34.251.177.460	41.846.084.643
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.065.611.979	2.092.552.321
- Lợi thế thương mại phân bổ	28.720.008.222	28.720.008.222
- Thuế, phí, lệ phí	167.570.455	278.375.954
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.237.330.418	9.945.658.863
- Hoàn nhập/ Trích dự phòng nợ phải thu khó đòi	(3.615.496.320)	919.790.242
- Chi phí khác bằng tiền	1.629.898.094	739.187.264
	74.767.078.588	85.757.133.202

28. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Xử lý công nợ bán sách	808.566	557.165.917
- Thu về hợp tác bán sách	138.483.586	233.417.804
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ		620.484.393
- Thu nhập khác	2.795.750.438	165.522.690
Cộng	2.935.042.590	1.576.590.804

29. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Tiền phạt thuế và lãi chậm nộp bảo hiểm	11.503.647.028	4.768.382.783
- Lãi trả chậm tiền thuê các trung tâm	96.303.963	1.293.065.528
- Lãi ước tính chậm nộp thuế	7.255.286.930	2.133.320.677
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	3.044.704.377	
- Chi phí khác	932.901.437	1.892.391.026
Cộng	22.832.843.735	10.087.160.014

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH, THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	15.865.558.933	13.736.510.528
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(2.870.845.263)	1.472.422.175

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	18.798.282.937	11.060.941.626
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	18.798.282.937	11.060.941.626
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	83.150.661	81.589.735
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	226,07	135,57

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC, hàng hóa	50.398.188.594	8.790.392.638
- Chi phí nhân công	220.892.820.207	434.485.803.791
- Chi phí khấu hao	94.593.147.082	97.112.290.945
- Chi phí bảo hành, dự phòng phải thu khó đòi	(3.615.496.320)	-
- Thuế, phí, lệ phí	187.570.455	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	151.006.431.960	306.574.300.250
- Chi phí khác bằng tiền	89.294.470.134	109.288.727.753
Cộng	602.757.132.112	956.251.515.377

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	303.962.346.785	-	696.974.721.111	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.735.050.207.947	(443.453.622)	1.043.615.906.160	(4.022.099.942)
Các khoản cho vay	134.133.769.710	-	305.039.669.710	-
Đầu tư ngắn hạn	510.000.000.000	-	300.000.000.000	-
	2.683.146.324.442	(443.453.622)	2.345.630.296.981	(4.022.099.942)

Nợ phải trả tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	1.982.083.465.215	-	2.002.308.581.185	-
Phải trả người bán, phải trả khác	272.231.069.108	-	277.687.441.957	-
Chi phí phải trả	299.122.584.045	-	262.774.239.538	-
	2.553.437.118.368	-	2.542.770.262.680	-

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	303.962.346.785	-	-	303.962.346.785
Phải thu khách hàng, phải thu khác	340.459.569.047	1.394.590.638.900	-	1.735.050.207.947
Các khoản cho vay	133.133.769.710	1.000.000.000	-	134.133.769.710
Đầu tư ngắn hạn	510.000.000.000	-	-	510.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.287.555.685.542	1.395.590.638.900	-	2.683.146.324.442
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	696.974.721.111	-	-	696.974.721.111
Phải thu khách hàng, phải thu khác	945.663.767.408	97.952.138.752	-	1.043.615.906.160
Các khoản cho vay	305.039.669.710	-	-	305.039.669.710
Đầu tư ngắn hạn	300.000.000.000	-	-	300.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
Cộng	2.247.678.158.229	97.952.138.752	-	2.345.630.296.981

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	620.897.715.256	1.361.185.749.959	-	1.982.083.465.215
Phải trả người bán, phải trả khác	272.231.069.108	-	-	272.231.069.108
Chi phí phải trả	299.122.584.045	-	-	299.122.584.045
Cộng	1.192.251.368.409	1.361.185.749.959	-	2.553.437.118.368
Số đầu năm				
Vay và nợ	620.032.856.152	1.382.275.725.033	-	2.002.308.581.185
Phải trả người bán, phải trả khác	277.687.441.957	-	-	277.687.441.957
Chi phí phải trả	262.774.239.538	-	-	262.774.239.538
Cộng	1.160.494.537.647	1.382.275.725.033	-	2.542.770.262.680

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)
Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh
Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Cung cấp dịch vụ	Bán hàng hóa	Hoạt động khác	Đơn vị tính: VND
				Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	668.398.256.709	544.444.390	324.074.074	669.266.775.173
Chi phí bộ phận	435.069.316.241	337.246.154		435.406.562.395
Kết quả kinh doanh bộ phận	233.328.940.468	207.198.236	324.074.074	233.860.212.778
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				167.350.569.717
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				66.509.643.061
Doanh thu hoạt động tài chính				73.921.396.346
Chi phí tài chính				85.431.002.039
Lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				808.056.375
Thu nhập khác				2.935.042.590
Chi phí khác				22.832.843.735
Thuế TNDN hiện hành				15.865.558.933
Chi phí thuế TNDN hoãn				(2.870.845.263)
Lợi nhuận sau thuế				22.915.578.928

36. CÁC GIAO DỊCH BÊN LIÊN QUAN

a. Thông tin các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP thiết bị giáo dục Eschool	Công ty con của công ty mẹ
Công ty cổ phần Anh ngữ Academy	Công ty liên kết của công ty cùng tập đoàn
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	Công ty mẹ sở hữu 59,76% vốn
Chungdahm Learning, Inc	Cổ đông lớn của công ty con
Công ty cổ phần tập đoàn hạ tầng giáo dục	Công ty liên kết
Ông Nguyễn Ngọc Thủy	Chủ tịch HĐQT

b. Giao dịch với bên liên quan**Các giao dịch phát sinh trọng yếu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng		
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	29.777.286.346	49.894.941.873
Chungdahm Learning, Inc	-	68.430.000.000
Công ty cổ phần Anh ngữ Academy	3.023.000.000	-
Công ty CP thiết bị giáo dục Eschool	472.111.200	16.578.570.350
Cho vay		
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	-	43.703.769.710
Lãi đặt cọc chuyển nhượng cổ phần		
Ông Nguyễn Ngọc Thùy	-	13.335.821.653
Bán hàng		
Công ty CP thiết bị giáo dục Eschool	350.000.000	-
Công ty cổ phần tập đoàn hạ tầng giáo dục	29.657.260.000	-
Chi trả hộ lương		
Công ty CP thiết bị giáo dục Eschool	546.361.000	-
Nhận chi trả hộ lương		
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	2.192.257.000	-
Chi phí thuê văn phòng		
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	13.111.311.793	-
Công ty cổ phần tập đoàn hạ tầng giáo dục	3.992.868.726	-
Chuyển nhượng quyền mua cổ phần		
Ông Nguyễn Ngọc Thùy	15.120.000.000	-

* Thu nhập, thù lao hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban Kiểm soát trong kỳ

Đơn vị tính: VND

Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập từ tiền lương	Thù lao	Tổng
Ông Nguyễn Ngọc Thùy	Chủ tịch HĐQT	-	180.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT	-	90.000.000	90.000.000
Ông Nguyễn Minh Chính	Thành viên HĐQT	-	30.000.000	30.000.000
Ông Quách Mạnh Hào	Thành viên HĐQT	-	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên HĐQT	-	30.000.000	30.000.000
Bà Phạm Thị Thanh Thọ	Trưởng BKS	-	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Khuyên	Thành viên BKS	-	6.000.000	6.000.000
Bà Trần Thị Mỹ Nga	Thành viên BKS	-	6.000.000	6.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Lương	Giám đốc tài chính	828.034.200	-	828.034.200
Tổng		828.034.200	384.000.000	1.212.034.200

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Điều hành cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam.

- Ban điều hành công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 do Báo cáo tài chính năm 2021 (đã được kiểm toán) chưa ghi nhận giảm chi phí thuế TNDN năm 2021 được miễn giảm của Công ty Cổ phần đầu tư Apax Holdings theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được điều chỉnh cụ thể như sau:

a/ Bảng cân đối kế toán hợp nhất	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
Phải thu ngắn hạn khác	136	877.821.890.164	801.964.100.814	(75.857.789.350)
Phải thu dài hạn khác	216	97.952.138.752	173.809.928.102	75.857.789.350
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	184.563.191.024	172.232.341.195	(12.330.849.829)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	69.577.395.441	81.908.245.270	12.330.849.829

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Phú

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Ngọc Thủy